**TÒA ÁN NHÂN DÂN**
**HUYỆN TÂN HƯNG**
**TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2019/HNGĐ-ST
Ngày 19-7-2019
V/v tranh chấp "Ly hôn, nuôi con"

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN HƯNG, TỈNH LONG AN**

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Huỳnh Thị Cẩm Nhung.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Nguyễn Thị Ánh Xuân.
2. Bà Đặng Thị Thu Vui.

- ***Thư ký ghi biên bản phiên toà:*** ông Hà Năng Hiển – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Hưng.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Hưng tham gia phiên tòa:*** Bà Trần Thị Nga - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Tân Hưng tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 36/2019/TLST-HNGĐ ngày 26/3/2019 về tranh chấp "Ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 11/6/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2019/QĐST- HNGĐ ngày 02 tháng 7 năm 2019, giữa các đương sự:

***1. Nguyên đơn:*** Chị Trần Thị Thanh T, sinh năm: 1991; (có mặt)
Địa chỉ: Ấp R, xã V-A, huyện T, tỉnh Long An.

***2. Bị đơn:*** Anh Lê Văn G-E, sinh năm 1985; (vắng mặt)
Địa chỉ: Ấp R, xã V-A, huyện T, tỉnh Long An.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Nguyên đơn chị Trần Thị Thanh T trình bày:*

Chị và anh Lê Văn G-E quen biết thời gian một năm được sự đồng ý của gia đình hai bên đã tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V-A, huyện T, tỉnh Long An vào ngày 30/12/2009. Quá trình chung sống, vợ chồng chị có 01 con chung Lê Tấn H, sinh ngày 17/12/2011. Thời gian đầu vợ chồng sống chung rất hạnh phúc, thời gian sau này giữa chị và anh G-E thường phát sinh mâu thuẫn, bất đồng ý kiến dẫn đến gây gổ với nhau, anh G-E thường xuyên uống rượu về kiếm chuyện chửi bới và đánh đập chị, cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc nữa. Chị và anh G-E đã sống ly thân từ đầu năm 2017 cho đến nay, trong thời gian sống ly thân chị trực tiếp nuôi con. Nay vợ chồng chị có nhiều mâu thuẫn bất

đồng không thể giải quyết được nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Lê Văn G-E; Về con chung: Chị Thảo yêu cầu được quyền tiếp tục nuôi con chung Lê Tấn H, sinh ngày 17/12/2011; Về cấp dưỡng: Chị không yêu cầu anh G-E cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản: không yêu cầu giải quyết; Về nợ chung: không có, không yêu cầu giải quyết

*Bị đơn anh Lê Văn* G-E*:*

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập và thông báo phiên hòa giải cho anh Lê Văn G-E nhưng anh G-E không đến Tòa án. Do đó, Tòa án thực hiện các thủ tục tố tụng (như niêm yết thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập đương sự, thông báo phiên hòa giải 02 lần, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa, giấy báo phiên tòa 02 lần) theo quy định của pháp luật nhưng anh G-E vẫn không đến Tòa án để tham gia phiên tòa hôm nay.

*Đại diện Viện kiểm sát phát biểu:*

Về tố tụng: Tòa án đã thực hiện đúng theo trình tự thủ tục quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự;

Về nội dung: chị T và anh G-E có đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền nên đây là hôn nhân hợp pháp. Mối quan hệ vợ chồng giữa chị T và anh G-E phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng không thể giải quyết được, đời sống hôn nhân không còn hạnh phúc. Chị T và anh G-E đã sống ly thân từ năm 2017. Vì vậy, chị T yêu cầu ly hôn với anh G-E là có căn cứ chấp nhận theo khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Về con chung: chị T yêu cầu được nuôi con chung Lê Tấn H, sinh ngày 17/12/2011 là có cơ sở. Vì cháu H đang sống với chị T, được chăm sóc tốt và cháu H có nguyện vọng sống với mẹ. Chị T có công việc và thu nhập ổn định nên nguyện vọng được nuôi con của chị T là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung và nợ chung: chị T không yêu cầu nên không xem xét.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

**1.** *Về thủ tục tố tụng:*

Tòa án đã tiến hành đúng theo trình tự thủ tục quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự.

Sự vắng mặt của đương sự: bị đơn anh Lê Văn G-E đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng không đến để tham dự phiên tòa nên căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử theo quy định.

**2.** *Về nội dung vụ án:*

[1] *Về hôn nhân*: chị Trần Thị Thanh T với anh Lê Văn G-E tiến tới hôn nhân và vào ngày 30/12/2009 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V-A, huyện T, tỉnh Long An. Đây là hôn nhân đúng pháp luật.

Trong thời gian chung sống vợ chồng chị T và anh G-E phát sinh mâu thuẫn nên tình cảm vợ chồng giữa chị T và anh G-E có khoảng cách, nhiều mâu thuẫn, bất đồng không thể giải quyết được, đời sống hôn nhân không còn hạnh phúc. Chị T và

anh G-E đã sống ly thân từ đầu năm 2017 đến nay. Cuộc sống vợ chồng giữa chị T và anh G-E mâu thuẩn đã trầm trọng, không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, chị T yêu cầu được ly hôn với anh G-E là có căn cứ chấp nhận theo khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình. Do đó, chấp nhận theo yêu cầu của chị T được ly hôn với anh G-E.

[2] Về con chung: Chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung Lê Tấn H, sinh ngày 17/12/2011. Xét thấy, chị T đang nuôi dưỡng và chăm sóc cháu H. Chị T hiện có công việc và thu nhập ổn định, cháu H được chăm sóc tốt và cháu H có nguyện vọng sống với mẹ nên giao cháu H cho chị T nuôi dưỡng là phù hợp với khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình. Do đó, chị T được quyền tiếp tục nuôi dưỡng con chung Lê Tấn H, sinh ngày 17/12/2011, giới tính nam.

[3] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T không yêu cầu anh G-E cấp dưỡng nuôi nên không đề cập đến.

[4] Về tài sản và nợ chung: không yêu cầu giải quyết nên không đề cập đến.

[5] Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ theo yêu cầu của chị Thảo là có căn cứ.

[6] Về án phí: chị T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí Hôn nhân sơ thẩm theo quy định. Anh G-E không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên;*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 227 và 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 9, 17, 51, 56, 81, 82, Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội qui định về án phí, lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:**

1. Về hôn nhân: chị Trần Thị Thanh T được ly hôn với anh Lê Văn G-E.

2. Về con chung: Chị Trần Thị Thanh T được quyền tiếp tục nuôi dưỡng và chăm sóc con chung Lê Tấn H, sinh ngày 17/12/2011, giới tính: Nam.

Bên không nuôi con được quyền đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền cản trở;

Vì lợi ích của con, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

3. Về cấp dưỡng: không yêu cầu giải quyết nên không đề cập đến.

4. Về tài sản và nợ chung : không yêu cầu giải quyết nên không đề cập đến.

5. Về án phí: chị Trần Thị Thanh T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí Hôn nhân sơ thẩm. Nhưng được trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0008629 ngày 26/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Hưng, tỉnh Long An. Chị Trần Thị Thanh T đã nộp đủ tiền án phí.

Anh Lê Văn G-E không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự (Lê Văn G-E) vắng mặt được quyền kháng

cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh; - VKSND tỉnh/H;
- CQ THA DS; - Các Đ/s;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*(ĐÃ KÝ)*

**Huỳnh Thị Cẩm Nhung**